

Số: 429/NQ-HĐND

Vĩnh Linh, ngày 20 tháng 6 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về phát triển hệ thống cây xanh đường đô thị và các tuyến đường huyện
Vĩnh Linh giai đoạn 2023 - 2025 định hướng đến năm 2030

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Thông báo số 517-TB/HU ngày 08/6/2023 của Huyện ủy Vĩnh Linh về kết luận phiên họp Ban Thường vụ Huyện ủy lần thứ 85, khóa XIX, nhiệm kỳ 2020-2025;

Xét Tờ trình số 188/TTr-UBND ngày 15/6/2023 của UBND huyện về việc đề nghị ban hành Nghị quyết Phát triển hệ thống cây xanh đường đô thị và các tuyến đường huyện Vĩnh Linh giai đoạn 2023 - 2025 định hướng đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội, Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua Đề án Phát triển hệ thống cây xanh đường đô thị và các tuyến đường huyện Vĩnh Linh giai đoạn 2023 - 2025 định hướng đến năm 2030 với các nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Đề án Phát triển hệ thống cây xanh đường đô thị và các tuyến đường huyện Vĩnh Linh nhằm góp phần tạo hình ảnh đô thị Xanh - Sạch - Đẹp. Nâng cao tiêu chí về mật độ cây xanh trên các tuyến đường huyện.

1.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025 và định hướng đến năm 2025

- Hệ thống cây xanh trên các tuyến đường đô thị đạt yêu cầu xanh - đẹp - an toàn, đạt tiêu chuẩn tỷ lệ cây xanh; có các tuyến đường trồng cây mang bản sắc đặc trưng riêng ở huyện Vĩnh Linh; đến năm 2025 trên 48% chiều dài các tuyến đường được trồng cây xanh; đến năm 2030 có 100% các tuyến đường đô thị được trồng cây xanh. Theo đó giai đoạn 2023-2025 trồng mới 3.800 cây; giai đoạn 2026-2030 trồng mới 6.200 cây.

- Hệ thống cây xanh trên các tuyến đường huyện đảm bảo đạt theo tiêu chí huyện nông thôn mới; đến năm 2025, trên 70% chiều dài đường huyện được trồng cây xanh; đến năm 2030 có 85% chiều dài đường huyện được

trồng cây xanh. Theo đó giai đoạn 2023-2025 trồng mới 4.660 cây; giai đoạn 2026-2030 trồng mới 6.340 cây.

2. Giải pháp thực hiện

2.1. Nhóm giải pháp về quản lý

a. Nghiên cứu lựa chọn danh mục loài cây trồng trên các tuyến đường đô thị, đạt các tiêu chí: Xanh 4 mùa, ít sâu bệnh, cành và rễ ít ảnh hưởng đến hạ tầng đô thị; chọn loại cây ít phải cắt tỉa cành, để ít phải thay thế chăm sóc.

- Theo nghiên cứu sơ bộ cùng với hiện trạng, lựa chọn một số cây trồng phù hợp với thổ nhưỡng, điều kiện khí hậu và mang tính đặc trưng của huyện Vĩnh Linh bao gồm:

TT	Loài cây	TT	Loài cây	TT	Loài cây
1	Bằng lăng	4	Long não	7	Sao đen
2	Bàng Đài Loan	5	Lim xẹt	8	Hoàng yến
3	Giáng Hương	6	Sến	9	Lộc vừng

b. Thực hiện lập danh mục cây xanh trên các tuyến phố: Căn cứ vào danh mục loài cây xanh đã được chọn trên địa bàn huyện Vĩnh Linh nêu trên, căn cứ vào vị trí tuyến đường (trục đường trung tâm hoặc trục đường ngoài trung tâm...) và căn cứ vào danh sách thống kê hiện trạng, số lượng, chủng loại cây xanh trên từng tuyến đường để lập và quy hoạch cây xanh trên từng tuyến đường đảm bảo tiêu chí có tính đặc trưng cho các tuyến đường (*Số lượng cây, chủng loại theo Phụ lục đính kèm*).

c. Nghiên cứu, tổ chức trồng, quản lý hệ thống cây xanh theo hướng

- Hệ thống cây xanh trên các tuyến đường đô thị: Giao Trung tâm Môi trường - Công trình đô thị huyện tổ chức trồng, quản lý trên cơ sở hiện trạng, định mức, công việc, đơn giá tính toán, vốn cấp hàng năm; công tác nghiệm thu, thanh toán thực hiện theo hình thức tiêu chí chất lượng.

- Giao UBND các xã, thị trấn, khu dân cư trồng, quản lý trên các tuyến đường huyện thuộc địa bàn đơn vị quản lý.

- Trồng, quản lý việc trồng cây đối với các bước lập dự án, thiết kế, thẩm định, cần quy định cụ thể các yêu cầu thiết kế cây xanh bao gồm:

+ Loại cây theo hồ sơ quy hoạch chung được duyệt hoặc theo danh mục trồng cây nêu trên.

+ Đường kính thân cây (tại vị trí 1,2m tính từ mặt đất) tại thời điểm trồng \geq 8,0cm (đối với đường huyện đường kính cây = 1/3); Chiều cao phát triển \geq 5,0m.

+ Cây mới trồng phải được chống giữ chắc chắn, ngay thẳng đảm bảo cây sinh trưởng và phát triển tốt.

+ Trồng thành hàng theo khoảng cách 8-10m (trừ những tuyến đã có cây). Đối với vỉa hè trước các dãy nhà ở, bố trí cây trồng phù hợp hiện trạng.

+ Trồng một loại cây trên tuyến đường đô thị; đường huyện có chiều dài >1,0km có thể trồng hai loại cây tùy theo từng loại tuyến đường.

+ Loại cây trồng trên một tuyến phải đảm bảo đồng đều về chiều cao cây, đường kính thân cây, đường kính tán và khoảng cách trồng giữa các cây.

+ Hồ trồng cây: Hình vuông, kích thước tối thiểu 1mx1m; hình tròn, đường kính tối thiểu 1m. Cao độ mặt bó hồ trồng cây bằng mặt vỉa hè.

+ Đất trồng cây trong hồ: Dùng loại đất màu, chiều sâu lớp đất trồng $\geq 1,0m$.

2.2 Nhóm giải pháp về đầu tư

a. Về huy động nguồn lực

- UBND huyện, UBND các xã, thị trấn bố trí một phần kinh phí để triển khai thực hiện.

- Tăng cường huy động mọi nguồn lực xã hội, thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn triển khai để trồng, chăm sóc và bảo vệ cây xanh, trong đó:

+ Huy động vốn từ xã hội hóa, vốn đóng góp hợp pháp của các doanh nghiệp và vận động tài trợ của các tổ chức, cá nhân tham gia trồng cây xanh; sáng kiến thành lập quỹ trồng cây xanh của các địa phương, doanh nghiệp, các tổ chức đoàn thể... Khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng, trồng, chăm sóc duy trì cây xanh theo chủng loại quy định ở một số tuyến đường trọng điểm.

+ Kết hợp lồng ghép nguồn vốn các chương trình của Nhà nước như: Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; các dự án phát triển hạ tầng đô thị, làm đường giao thông có hạng mục trồng cây xanh; các chương trình phát triển kinh tế xã - hội khác.

+ Huy động nguồn lực về lao động, sự tình nguyện tham gia của các tổ chức, đoàn thể, quần chúng, các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng tham gia trồng, chăm sóc, bảo vệ cây xanh, đặc biệt là sự tình nguyện tham gia tích cực của hội viên, đoàn viên thanh niên.

b. Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức

- Thường xuyên tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về vai trò, tác dụng của việc trồng cây xanh nhằm nâng cao nhận thức của Nhân dân về vai trò, ý nghĩa của việc trồng cây nhằm mục đích bảo vệ môi trường góp phần giảm nhẹ thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Phổ biến giáo dục pháp luật để nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành; tăng cường ý thức, trách nhiệm bảo vệ của Nhân dân, vận động Nhân dân tố giác những hành vi vi phạm pháp luật về các hành vi phá hoại cây xanh, đặc biệt là cây xanh ở những nơi công cộng, đường phố, đô thị.

- Mỗi cơ quan, đơn vị, đoàn thể tổ chức phát động phong trào thi đua để kêu gọi, vận động cán bộ, công chức, viên chức, hội viên và Nhân dân tham gia trồng cây, tạo nên phong trào thường xuyên, liên tục, hiệu quả trong toàn xã hội.

3. Kinh phí thực hiện

Tổng kinh phí dự kiến thực hiện Đề án là 9,35 tỷ, trong đó nguồn ngân sách huyện, xã, thị trấn 2,7 tỷ và nguồn xã hội hóa là 6,65 tỷ, được phân kỳ theo các năm, cụ thể:

DVT: Tỷ đồng

TT	Năm thực hiện	Nguồn Ngân sách huyện, thị trấn	Nguồn huy động khác	Tổng cộng (tạm tính)
1	Năm 2023	0	0,56	0,56
2	Năm 2024	1,56	2,97	4,53
3	Năm 2025	1,14	3,12	4,26
	Tổng cộng	2,7	6,65	9,35

Trong đó: Đối với các tuyến đường đô thị nếu sử dụng nguồn ngân sách thì phân bổ theo tỉ lệ: NS huyện 50%, NS thị trấn 50%; tuyến đường huyện sử dụng nguồn huy động khác.

- Phân kỳ đầu tư từ ngân sách của huyện hàng năm theo bảng chi tiết về các nội dung công việc thể hiện tại Phụ lục 1, Phụ lục 2.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, các Tổ HĐND, đại biểu Hội đồng nhân dân huyện và các đơn vị liên quan phối hợp giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện khóa VI, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 20/6/2023 và có hiệu lực kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận: *+ Lưu*

- TTHĐND tỉnh;
- Ban TV Huyện ủy;
- TT HĐND, UBNDTTQVN huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban cấp huyện;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, VP. *Phụ lục*

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Hương

Phụ lục 1. BẢNG THỐNG KÊ, ĐỀ XUẤT CÁC TUYẾN ĐƯỜNG ĐÔ THỊ HUYỆN TRỒNG CÂY XANH

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /6/2023 của HĐND huyện Vĩnh Linh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên đường	Chiều dài (km)	Trong đó		Đề xuất hỗ trợ trồng cây bóng mát		Loại cây	Kinh phí	Nguồn kinh phí	Thời gian thực hiện	Ghi chú
					(đối với tuyến đường đã có sẵn hành lang, đất trồng, vị trí trồng cây xanh)						
			Số Km đã được trồng cây xanh	Số Km chưa được trồng cây xanh	Số Km	Số lượng cây					
		55,77	7,65	48,12	19,00	3.800		7.020			
I	Thị trấn Hồ Xá	42,47	4,75	37,72	15,30	3.060		5.540			
1	Hùng Vương	1,1	0,3	0,8	0,8	160	Bằng lăng (Long não, Sao đen)	320	Huy động khác	2023	
2	Huyện Trần Công Chúa	1,4	0	1,4	1	120	Bàng Đài Loan (Giáng hương, sao đen)	240	Huy động khác	2023	
3	Lê Duẩn	6	0	6	3	600	Long não (Sao đen, Lim xẹt)	1200	Huy động khác	2024	
4	Trần Hưng Đạo	1,7	1,3	0,4	0,4	80	Bằng lăng (Bàng Đài Loan, Lộc vừng)	160	Huy động khác	2024	
5	Lý Thường Kiệt	1	0	1	0,6	120	Bàng Đài Loan (Long não, sao đen)	240	Huy động khác	2024	
6	Trần Phú	2	1,8	0,2	0,2	40	Bằng lăng (Bàng Đài Loan, Lộc vừng)	80	NS huyện, TT	2024	
7	Lý Thánh Tông	1,3	0	1,3	0,5	100	Giáng hương (Sao đen, Lim xẹt)	200	NS huyện, TT	2024	
8	Đình Tiên Hoàng	0,8	0	0,8	0,6	120	Giáng hương (Sao đen, Lim xẹt)	240	NS huyện, TT	2024	
9	Nguyễn Du	0,65	0	0,65	0,65	130	Giáng hương (Sao đen, Lim xẹt)	260	NS huyện, TT	2024	

STT	Tên đường	Chiều dài (km)	Trong đó		Đề xuất hỗ trợ trồng cây bóng mát		Loại cây	Kinh phí	Nguồn kinh phí	Thời gian thực hiện	Ghi chú
					(đối với tuyến đường đã có sẵn hành lang, đất trồng, vị trí trồng cây xanh)						
			Số Km đã được trồng cây xanh	Số Km chưa được trồng cây xanh	Số Km	Số lượng cây					
10	Quang Trung	1,3	0,65	0,65	0,65	130	Lim xẹt (Long nảo, sao đen)	260	NS huyện, TT	2024	
11	Các tuyến đường khu quy hoạch Tây Nam Quốc lộ 1	3	0	3	3	600	Hoàng yến (Bàng Đài Loan, Lộc vừng)	1200	Huy động khác	2025	
12	Các tuyến đường khu quy hoạch Phú Thị Đông	3,5	0	3,5	3,5	700	Sao đen (Long nảo, Lim xẹt)	700	NS huyện, TT	2025	
13	Các tuyến đường khu quy hoạch khu phố 1 (khóm Vĩnh Bắc cũ)	2,2	0	2,2	2,2	440	Sao đen (Long nảo, Lim xẹt)	440	NS huyện, TT	2025	
14	Ngô Quyền	1,2	0	1,2	0	0	Bàng Đài Loan (Giáng hương, sao đen)	0			
15	Nguyễn Văn Linh	2	0,8	1,2	0	0	Bàng lãng (Sao đen, Lim xẹt)	0			
16	Lê Hữu Trác	2,3	0	2,3	0	0	Giáng hương (Sao đen, Lim xẹt)	0			
17	Nguyễn Trãi	1,6	0	1,6	0	0	Lim xẹt (Long nảo, sao đen)	0			
18	Chu Văn An	0,24	0	0,24	0	0	Giáng hương (Sao đen, Lim xẹt)	0			
19	Hai Bà Trưng	0,5	0	0,5	0	0	Giáng hương (Sao đen, Lim xẹt)	0			
20	Nguyễn Văn Cừ	1,3	0	1,3	0	0	Long nảo (Bàng lãng, Lim xẹt)	0			
21	Lê Hồng Phong	1,3	0	1,3	0	0	Long nảo (Bàng lãng, Lim xẹt)	0			Sau khi bố trí và thực hiện quy

STT	Tên đường	Chiều dài (km)	Trong đó		Đề xuất hỗ trợ trồng cây bóng mát		Loại cây	Kinh phí	Nguồn kinh phí	Thời gian thực hiện	Ghi chú
					(đối với tuyến đường đã có sẵn hành lang, đất trồng, vị trí trồng cây xanh)						
			Số Km đã được trồng cây xanh	Số Km chưa được trồng cây xanh	Số Km	Số lượng cây					
22	Phạm Văn Đồng	1,35	0	1,35	0	0	Giáng hương (Bàng Đài Loan, Long não)	0			hoạch, xây dựng vỉa hè sẽ quy hoạch trồng cây xanh (giai đoạn 2026-2030)
23	Tôn Đức Thắng	1,2	0,2	1	0	0	Lim xẹt (Long não, sao đen)	0			
24	Nguyễn Thị Minh Khai	1,2	0	1,2	0	0	Lim xẹt (Long não, sao đen)	0			
25	Nguyễn Lương Bằng	1,5	0	1,5	0	0	Bàng lẵng (Bàng Đài Loan, Sao đen)	0			
26	Cao Bá Quát	0,7	0	0,7	0	0	Bàng lẵng (Bàng Đài Loan, Sao đen)	0			
27	Phan Huy Chú	0,8	0	0,8	0	0	Bàng lẵng (Bàng Đài Loan, Sao đen)	0			
28	Hoàng Văn Thụ	0,45	0	0,45	0	0	Bàng lẵng (Bàng Đài Loan, Sao đen)	0			
29	Lê Thế Hiếu	0,67	0	0,67	0	0	Bàng lẵng (Bàng Đài Loan, Sao đen)	0			
30	Võ Thị Sau	0,35	0	0,35	0	0	Bàng lẵng (Bàng Đài Loan, Sao đen)	0			
31	Hồ Tùng Mậu	0,36	0	0,36	0	0	Bàng lẵng (Bàng Đài Loan, Sao đen)	0			
II	Thị trấn Cửa Tùng	3,10	0,7	2,4	2,4	480		960			

STT	Tên đường	Chiều dài (km)	Trong đó		Đề xuất hỗ trợ trồng cây bóng mát		Loại cây	Kinh phí	Nguồn kinh phí	Thời gian thực hiện	Ghi chú
					(đối với tuyến đường đã có sẵn hành lang, đất trồng, vị trí trồng cây xanh)						
			Số Km đã được trồng cây xanh	Số Km chưa được trồng cây xanh	Số Km	Số lượng cây					
1	Đường Liên xã từ chợ Do đi xã Kim Thạch	2,10	0,5	1,6	1,6	320	Bàng Đài Loan (Sao đen, Lim xẹt)	640	Huy động khác	2025	
2	Đường Liên xã trung tâm Bốn Thạch	1,00	0,2	0,8	0,8	160	Bàng Đài Loan (Sao đen, Lim xẹt)	320	Huy động khác	2024	
II	Thị trấn Bến Quan	10,20	2,2	8,00	1,3	260		520			
1	Đường nội thị thị trấn Bến Quan	7,00	1	6,00	1,3	260	Bàng lãng (Giáng hương, Hoàng yển)	520	NS huyện, TT	2024	
2	Đường Khóm 5-6	1,20	0,7	0,50	0	0	Bàng lãng (Giáng hương, Hoàng yển)	0			
3	Đường Khóm 7	2,00	0,5	1,50	0	0	Bàng lãng (Giáng hương, Hoàng yển)	0			

Ghi chú: Kinh phí đã bao gồm công trồng, chăm sóc bảo đảm sống trong thời gian 1 năm; Chỉ trồng một loại cây trên một tuyến đường; Cây trồng theo thứ tự ưu tiên, VD: Bàng lãng (Long não, Sao đen). Ưu tiên 1: Bàng lãng; nếu không có giống trên thì có thể trồng cây Long não, rồi đến Sao đen

Phụ lục 2. BẢNG THỐNG KÊ, ĐỀ XUẤT CÁC TUYẾN ĐƯỜNG HUYỆN TRỒNG CÂY XANH

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /6/2023 của HĐND huyện Vĩnh Linh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên đường		Chiều dài (km)	Trong đó		Đề xuất trồng cây bóng mát		Loại cây	Kinh phí	Nguồn kinh phí	Thời gian thực hiện	Ghi chú
						(đối với tuyến đường đã có sẵn hành lang, đất trồng, vị trí trồng cây xanh)						
				Số Km đã được trồng cây xanh	Số Km chưa được trồng cây xanh	Số Km	Số lượng cây					
			217,30	130,90	86,40	20,10	4.660		2.330			
I	Xã Vĩnh Hoà		26,10	15,50	10,60	7,70	1.540		770			
1	Đường vào xã Vĩnh Hoà	ĐH08	9,30	6	3,30	2,2	440	Sao đen (Lim xẹt, Long nảo)	220	Huy động khác	2024	
2	Đường Sinh Thái Rú Lịnh	ĐH12	8,50	4,5	4,00	2,2	440	Bằng lăng (Giáng hương, Hoàng yển)	220	Huy động khác	2025	
3	Đường Hồ Xá Vĩnh Tân cũ	ĐH09	8,30	5	3,30	3,3	660	Giáng hương (Bằng lăng, Hoàng yển)	330	Huy động khác	2025	
II	Xã Vĩnh Khê		4,20	3,2	1,00	1	840		420			
1	Đường Vĩnh Khê đi Vĩnh Long	ĐH22	4,20	3,2	1,00	4,2	840	Lim xẹt (Sao đen, Long nảo)	420	Huy động khác	2024	
III	Xã Vĩnh Sơn		38,60	29,9	8,70	7,3	1.460		730			
1	Đường Liên xã Vĩnh Sơn đi Vĩnh Lâm, Vĩnh Thủy	ĐH15	23,40	16,9	6,50	5,3	1.060	Sao đen (Lim xẹt, Long nảo)	530	Huy động khác	2025	
2	Đường Liên xã từ Vĩnh Sơn đi Vĩnh Hà	ĐH.18	15,20	13	2,20	2	400	Lim xẹt (Sao đen, Long nảo)	200	Huy động khác	2024	

STT	Tên đường		Chiều dài (km)	Trong đó		Đề xuất trồng cây bóng mát		Loại cây	Kinh phí	Nguồn kinh phí	Thời gian thực hiện	Ghi chú
						(đối với tuyến đường đã có sẵn hành lang, đất trồng, vị trí trồng cây xanh)						
				Số Km đã được trồng cây xanh	Số Km chưa được trồng cây xanh	Số Km	Số lượng cây					
IV	Xã Vĩnh Thái		17,50	8	9,50	4,1	820		410			
1	Đường Hồ Xá - Vĩnh Tú - Vĩnh Thái	ĐH.03	10,00	5	5,00	2	400	Giáng hương (Bằng lăng, Hoàng yến)	200	Huy động khác	2025	
2	Đường Hồ Xá - UBND xã Vĩnh Thái	ĐH.05	7,50	3	4,50	2,1	420	Bàng Đài Loan (Sao đen, Long nã)	210	Huy động khác	2024	
V	Xã Kim Thạch		41,20	26,2	15,00	0	0					
1	Đường vào xã Vĩnh Kim cũ	ĐH 11	5,00	3,8	1,20	0	0	Sao đen (Bàng Đài Loan, Long nã)				
2	Đường liên xã Thạch Tân Giang	ĐH 13	13,80	11	2,80	0	0	Sao đen (Bàng Đài Loan, Long nã)				
3	Đường Vĩnh Kim Vĩnh Thái	ĐH 16	17,40	10	7,40	0	0	Sao đen (Bàng Đài Loan, Long nã)				
4	Đường thị trấn Cửa Tùng Vịnh Mốc	ĐH 17	5,00	1,4	3,60	0	0	Sao đen (Bàng Đài Loan, Long nã)				
VI	Xã Trung Nam		16,30	3	13,30	0	0					
1	Hồ Xá - Nam - Trung - Thái	ĐH 07	9,00	1	8,00	0	0	Bằng lăng (Long nã, Sao đen)				
2	Đường Nam - Trung Tú	ĐH 20	7,30	7,3	0,00	0	0	Bằng lăng (Long nã, Sao đen)				Sau khi

STT	Tên đường		Chiều dài (km)	Trong đó		Đề xuất trồng cây bóng mát		Loại cây	Kinh phí	Nguồn kinh phí	Thời gian thực hiện	Ghi chú
						(đối với tuyến đường đã có sẵn hành lang, đất trồng, vị trí trồng cây xanh)						
				Số Km đã được trồng cây xanh	Số Km chưa được trồng cây xanh	Số Km	Số lượng cây					
VII	Xã Vĩnh Tú		4,00	4	0,00	0	0					Đoạn và thực hiện quy hoạch, xây dựng vỉa hè sẽ quy hoạch trồng cây xanh (giai đoạn 2026-2030)
1	Đường Trường Kỳ - Mỹ Tú	ĐH 02	4,00	4	0,00	0	0	Giáng hương (Bằng lăng, Hoàng yện)				
VIII	Vĩnh Cháp		12,70	9	3,70	0	0					
1	Đường vào xã Vĩnh Cháp	ĐH 01	12,70	9	3,70	0	0	Sao đen (Lim xẹt, Long nảo)				
IX	Vĩnh Hà		12,00	9	3,00	0	0					
1	Đường Bến Quan - Vĩnh Hà	ĐH 21	12,00	9	3,00	0	0	Bằng lăng (Long nảo, Sao đen)				
X	Vĩnh Long		7,00	4	3,00	0	0					
1	Đường vào xã Vĩnh Long	ĐH 04	7,00	4	3,00	0	0	Bằng lăng (Long nảo, Sao đen)				
XI	Vĩnh Lâm		2,20	0,50	1,70	0	0					
1	Đường vào xã Vĩnh Lâm	ĐH 06	2,20	0,50	1,70	0	0	Lim xẹt (Sao đen, Long nảo)				
XII	Hiền Thành		4,40	3,00	1,40	0	0					
1	Đường vào xã Vĩnh Hiền cũ	ĐH 10	4,40	3,00	1,40	0	0	Lim xẹt (Sao đen, Long nảo)				

STT	Tên đường		Chiều dài (km)	Trong đó		Đề xuất trồng cây bóng mát		Loại cây	Kinh phí	Nguồn kinh phí	Thời gian thực hiện	Ghi chú
						(đối với tuyến đường đã có sẵn hành lang, đất trồng, vị trí trồng cây xanh)						
				Số Km đã được trồng cây xanh	Số Km chưa được trồng cây xanh	Số Km	Số lượng cây					
XIII	Vĩnh Giang		12,60	12,60	0,00	0	0					
1	Đường vào xã Vĩnh Giang	ĐH 14	12,60	12,60	0,00	0	0	Sao đen (Lim xẹt, Long nã)				
XIV	Vĩnh Thủy		18,50	16,00	2,50	0	0					
1	Đường vào đập La Ngà	ĐH 19	18,50	16,00	2,50	0	0	Sao đen (Lim xẹt, Long nã)				

Ghi chú: Kinh phí đã bao gồm công trồng, chăm sóc bảo đảm sống trong thời gian 1 năm; Chỉ trồng một loại cây trên một tuyến đường, tuyến đường nào có chiều dài trên 1Km thì có thể xem xét trồng 2 loại cây; Cây trồng theo thứ tự ưu tiên, VD: Sao đen (Lim xẹt, Long nã). Ưu tiên 1: Sao đen; nếu không có giống trên thì có thể trồng cây Lim xẹt, rồi đến Long nã